TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DS-ST
Ngày: 11/11/2020
"V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hồng Việt - Cán bộ đã nghỉ hưu;

2. Ông Nguyễn Võ Hoài Long - Cán bộ đã nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại Hội trường xét xử: Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST - DS ngày 09 tháng 07 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trụ sở chính: 442 N, Phường 3, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc, Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc phòng quản lý nợ, Địa chỉ: 38-40 T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Xuân S – Nhân viên Ngân hàng TMCP A chi nhánh G, văn bản ủy Quyền ngày 15/7/2020, Địa chỉ: 38-40 T phường T, thành phố P, tỉnh G, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4 (Nay là tổ dân phố 3), thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 06 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày:

Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho bà Đặng Thị A theo Hợp đồng tín dụng:

Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số GIL.CN.139.090218 ký ngày 09/02/20018;

Hợp đồng tín dụng số GIL.CN.403.130219 ngày 13/02/2019.

Để thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Đặng Thị A bằng khế ước nhận nợ số 01 ngày 13/02/2019 chi tiết như sau:

Hạn mức vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Mục đích cho vay: sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động - kinh doanh hàng tạp hóa.

Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng.

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (13/02/2019)

Số tiền giải ngân: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ tiền vay vào tài khoản thanh toán số 232398109 của bà Đặng Thị A.

Lãi suất vay trong hạn: 10,4%/năm. Lãi suất vay được cố định tính trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: lãi suất vay (%/năm)= LS13 + 3%/năm + X.

Lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Lãi suất phạt chậm trả: 10%/năm.

Kết thúc thời hạn cho vay bà A không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng, Do đó, ngày 14/11/2019 NGÂN HÀNG đã chuyển toàn bộ nợ vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 11/11/2020 bà Đặng Thị A còn nợ NGÂN HÀNG số tiền là: 366.713.956 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Số tiền gốc: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 15.792.329 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 47.569.315 đồng (Bốn mươi bảu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Phạt chậm trả tính đến ngày 11/11/2020: là 3.352.312 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười hai đồng).

Khoản nợ trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đặng Thị A: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.328.160217 được công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Gia Lai ngày 16/02/2017 số công chứng 001034 đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Chư Prông ngày 17/02/2017, số thứ tự 36, quyển số 07, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 127a, tờ bản đồ số 44, địa chỉ tổ 04, thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 561427 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 26/02/2010 và Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 34, thôn B ,xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 228467 do UBND huyện Chư Prông cấp 23/12/2013.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu bà Đặng Thị A, thanh toán số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/11/2020 là 366.713.956 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng), trong đó:

Số tiền gốc: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 11/11/2020 là: 15.792.329 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 47.569.315 đồng (Bốn mươi bảu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Phạt chậm trả tính đến ngày 11/11/2020 là: 3.352.312 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười hai đồng).

Nếu bà Đặng Thị A, không trả dứt điểm số nợ cho Ngân hàng TMCP A, đề nghị xử lý tài sản bà A đã thế chấp để thu hồi nợ, Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.328.160217 được công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Gia Lai ngày 16/02/2017 số công chứng 001034 đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Chư Prông ngày 17/02/2017, số thứ tự 36, quyển số 07, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 127a, tờ bản đồ số 44, địa chỉ tổ 0, thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 561427 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 26/02/2010 và Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 34, thôn B,xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 228467 do UBND huyện Chư Prông cấp 23/12/2013.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Đặng Thị A vẫn không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, các điều 144, 147, 165, 166; Điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 288, 318, 319, 401, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Đặng Thị A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc và tiền lãi, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử theo quy định.

Trường hợp bà Đặng Thị A không trả được nợ, đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đặng Thị A trả nợ gốc, lãi, theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định pháp luật.

Bà Đặng Thị A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là bà A.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ: Số tiền 366.713.956 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng)

Số tiền gốc: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)

Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 15.792.329 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)

Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 47.569.315đồng (Bốn mươi bảu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng)

Phạt chậm trả tính đến ngày 11/11/2020: là 3.352.312 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười hai đồng)

Do bà Đặng Thị A vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán nợ khi đến hạn, không có thiện chí trả nợ, NGÂN HÀNG khởi kiện buộc bà A trả nợ vay là có căn cứ theo quy định tại các Điều 280 và Điều 466,248 Bộ luật dân sự năm 2015; HĐXX xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A;

Số tiền 366.713.956 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng)

Số tiền gốc: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)

Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 15.792.329 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)

Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 47.569.315đồng (Bốn mươi bảu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng)

Phạt chậm trả tính đến ngày 11/11/2020: là 3.352.312 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười hai đồng)

Nếu bà A không trả dứt điểm số nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.328.160217 được công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Gia Lai ngày 16/02/2017 số công chứng 001034 đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Chư Prông ngày 17/02/2017, số thứ tự 36, quyển số 07, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 127a, tờ bản đồ số 44, địa chỉ tổ 04, thị trấn C, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 561427 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 26/02/2010 và Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 34, thôn B,xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 228467 do UBND huyện Chư Prông cấp 23/12/2013.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định và toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 157, 158, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ:

+ Các Điều 117, 118, 119, 288, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466,468 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

+ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A;

1. Buộc bà Đặng Thị A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A gồm tiền gốc và tiền lãi phát sinh (lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả) tính đến ngày 11/11/2020 là: 366.713.956 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó:

Số tiền gốc: 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)

Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 15.792.329 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)

Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 11/11/2020: là 47.569.315đồng (Bốn mươi bảu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng)

Phạt chậm trả tính đến ngày 11/11/2020: là 3.352.312 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn ba trăm mười hai đồng)

Tổng lãi tính đến ngày 11/11/2020 chưa thanh toán là: 66.713.956 đồng(Sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng)

Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/11/2020: là 366.713.956 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Nếu bà Đặng Thị A không trả dứt điểm số nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.328.160217 được công chứng tại phòng công chứng số

1, tỉnh Gia Lai ngày 16/02/2017 số công chứng 001034 đăng ký thế chấp tại văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện Chư Prông ngày 17/02/2017, số thứ tự 36, quyển số 07, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 127a, tờ bản đồ số 44, địa chỉ tổ 04, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 561427 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông cấp ngày 26/02/2010 và Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 34, thôn B, xã I, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 228467 do UBND huyện Chư Prông cấp 23/12/2013.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị A phải chịu án phídân sự sơ thẩm là 18.335.697 (Mười tám triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng) sung công quỹ nhà nước.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.392.425 đồng (Tám triệu ba trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0006504 ngày 08/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Áp dụng tại Điều 157 BLTTDS 2015, buộc bà Đặng Thị A phải chịu chi phí thẩm định là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), Trước đây nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp tạm ứng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), nay buộc bà Đặng Thị A phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Thương mạ Cổ phần A là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tài sản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Khương

Nơi nhận
-Đương sự
-VKS nhân dân huyện chư prông
-Chi cục THADS huyện Chư Prông
-Sở tư pháp
-lưu HS vụ án